TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2023/DS-ST
Ngày: 13 - 7 - 2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích và ông Trần Thanh Việt

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C,

Địa chỉ trụ sở: Số T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Huỳnh Ngọc N1; Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch L thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G. Theo Quyết định ủy quyền số 852/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 20/7/2022. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ liên hệ: Số N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thông Cường N, sinh năm 1968, Vắng mặt

Cư trú: Số H, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 23/11/2016, ông Nguyễn Thông Cường N có phát hành thẻ tín dụng (theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày

23/11/2016) tại Ngân hàng thương mại cổ phần C – chi nhánh G – Phòng giao dịch L (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng), với nội dung như sau:

- Hạn mức thẻ TDQT: 50.000.000đ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/11/2016;

- Mục đích vay: Phát hành thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm;

- Lãi suất thẻ tín dụng quốc tế: Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi. Lãi suất thẻ tại thời điểm ký hợp đồng là 19%/năm. Lãi suất thẻ áp dụng từ ngày 18/11/2022 đến nay là 18.5%/năm.

Từ khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 71.468.956đ và đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 97.463.909đ (trong đó vốn gốc 34.156.123đ, tiền lãi, phí: 63.307.786đ).

Tính đến nay số nợ trên đã quá hạn thanh toán vốn và lãi. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc, nhắc nhở nhưng ông N không trả vốn và lãi cho Ngân hàng đúng như cam kết và vi phạm hợp đồng đã ký kết.

Tính đến ngày 13/7/2023, ông N còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Vốn gốc là 45.849.674đ;

- Lãi là 12.977.342đ;

- Phí là 1.970.360đ;

- Tổng cộng là 60.797.376đ.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần C khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thông Cường N phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền nợ gốc, lãi, phí tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 60.797.376đ (trong đó: vốn gốc 45.849.674đ, lãi 12.977.342đ và phí 1.970.360đ) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký ngày 23/11/2016 cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn ông ông *Nguyễn Thông Cường N không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần C (Ngân hàng) khởi kiện ông Nguyễn Thông Cường N yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/11/2016. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố L nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ông Nguyễn Thông Cường N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông N và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn.

[2.2] Ngân hàng thương mại cổ phần C do ông Trần Minh B; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho bà Trần Huỳnh Ngọc N1; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch L thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G theo Quyết định ủy quyền số 852/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 20/7/2022. Thủ tục ủy quyền này phù hợp với quy định pháp luật nên bà N1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập Hợp đồng tín dụng vào ngày 23 tháng 11 năm 2016 và giao dịch dân sự đang được thực hiện có nội dung, hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các điều, khoản phù hợp với nội dung tranh chấp được quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G và ông Nguyễn Thông Cường N ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng vào ngày 23 tháng 11 năm 2016 với nội dung: Ngân hàng đồng ý mở thẻ tín dụng cho ông N với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ, áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất thẻ tại thời điểm ký hợp đồng là 19%/năm, lãi suất thẻ áp dụng từ ngày 18/11/2022 đến nay là 18.5%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 71.468.956đ và đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 97.463.909đ (trong đó vốn gốc 34.156.123đ, tiền lãi, phí: 63.307.786đ). Do ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 60.797.376đ (trong đó: nợ gốc 45.849.674đ, lãi 12.977.342đ và phí 1.970.360đ), đồng thời yêu cầu ông N phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi trả dứt nợ.

[4.2] Hội đồng xét xử xét, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện thẻ tín dụng) giữa Ngân hàng và ông N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông N đã không thực hiện nghĩa vụ

trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi, phí còn nợ tính đến ngày 13/7/2023 là 60.797.376đ (trong đó: vốn gốc 45.849.674đ, lãi 12.977.342đ và phí 1.970.360đ) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông N đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự và buộc ông N phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C đối với ông Nguyễn Thông Cường N.

Buộc ông Nguyễn Thông Cường N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 60.797.376đ (trong đó: vốn gốc 45.849.674đ, lãi 12.977.342đ và phí 1.970.360đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thông Cường N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận

về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thông Cường N phải chịu 3.039.869đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.434.000đ theo biên lai thu tiền số 0001631 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần C và ông Nguyễn Thông Cường N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Lan